

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TH1NH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2021/DS-ST**
Ngày 29-10-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TH1NH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đoàn Sơn Lâm**

2. Bà **Trần Thị Diễm Châu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Mỹ Y** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh TH1nh, Thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh TH1nh, thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lễ** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh TH1nh,
Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST-DS
ngày 22 tháng 03 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
56/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B** – 1954 - **Chủ Doanh nghiệp tư nhân Chân
Tín.**

Nơi cư trú: Ấp Q, thị trấn A, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Đức H1** - 1982

Nơi cư trú: ấp D, xã T, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Trần Thị N** – 1960; Ông **Ngô Văn H2** - 1963

Cùng nơi cư trú: ấp Q, thị trấn A, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

(Ông H1 có mặt, đương còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đại diện theo ủy quyền ông Đinh Đức H1 trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị B là chủ doanh nghiệp tư nhân Chân Tín có bán vật tư nông nghiệp như thuốc bảo vệ thực vật, phân bón... cho bị đơn bà N và ông H2, các bên bắt đầu mua bán vào năm 2015 khi kết sổ thì còn nợ lại số tiền 11.416.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng). Đến năm 2018 bị đơn lại tiếp tục mua vật tư nông nghiệp H2, đến ngày 26/02/2019 kết sổ nợ số tiền 33.496.000 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng), tổng cộng nợ cũ và nợ mới là 44.912.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) và nợ lãi là 6.638.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng), như vậy tổng nợ gốc và nợ lãi là 51.550.000 đồng (Năm mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn), sau đó bị đơn trả được 35.134.000 đồng (Ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng) (trong đó gốc 28.496.000 đồng, lãi 6.638.000 đồng) vào năm 2019 đến năm 2020 trả thêm 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) còn nợ lại là 14.916.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng). Hai bên có làm giấy xác nhận công nợ ngày 06/11/2020 ông H2 có ký tên vào trong đó, các lần mua bán thì có ghi lại có ký xác nhận của bên mua, bà Nhẫn, ông H2 có ký tên xác nhận. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 14.916.000 đồng, tiền nợ lãi không yêu cầu.

Bị đơn bà Trần Thị N trong quá trình giải quyết vụ án bà trình bày như sau:

Thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn nhưng số tiền nợ của nguyên đơn là do chồng bà ông Ngô Văn H2 nợ chứ không phải bà. Quá trình mua bán giữa nguyên đơn và ông H2 thì bà không rõ. Nguyên đơn và ông H2 tổng kết nợ là 26.000.000 đồng, bà đã trả cho nguyên đơn còn lại số tiền 14.916.000 đồng, trong đó có tiền lãi là 5.416.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh cho việc này, không cung cấp được cho Tòa án. Đối với hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp phía nguyên đơn cung cấp bà thừa nhận có mua và có ký tên xác nhận nhưng số tiền này bà đã thanh toán xong cho nguyên đơn việc này cũng không có giấy tờ gì chứng minh. Giấy xác nhận công nợ ngày 06/11/2020 chồng bà là ông H2 có ký tên, bà xác nhận đúng là chữ ký của ông H2 chồng bà. Qua yêu cầu khởi kiện bà cũng đồng ý cùng ông H2 trả nợ là 14.916.000 đồng.

Bị đơn ông Ngô Văn H2 trong quá trình giải quyết cũng như tại biên bản ghi lời khai ngày 21/9/2021 ông trình bày như sau: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà N, ông có ký tên trong Giấy xác nhận công nợ ngày 06/11/2020, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông đồng ý trả số tiền nợ mua bán 14.916.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền 14.916.000 đồng cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị N và ông Ngô Văn H2 có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền mua bán là 14.916.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phụng Quới B, thị trấn Thanh An, huyện Vĩnh Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà N và ông H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

[3] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Nguyên đơn có bán vật tư nông Nghiệp, bị đơn có mua và nợ, sau đó bị đơn cũng có thanh toán nợ nhiều lần nhưng còn nợ lại 14.916.000 đồng đến nay không trả, nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không trả nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua bán này, lời khai của phía nguyên về việc bị đơn có nợ tiền mua bán được bị đơn thừa nhận. Vì vậy, về tình tiết bị đơn nợ tiền của nguyên đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Từ những tình tiết và sự kiện nêu trên, có đủ cơ sở để xác định việc bị đơn có nợ tiền mua bán của nguyên đơn số tiền 14.916.000 là có thật. Đến hạn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên mua theo Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015: “...1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn và mức tiền được quy định trong hợp đồng..... Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền mua bán 14.916.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 430; 460 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Chân Tín về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” với bà Trần Thị N và ông Ngô Văn H2: Buộc bà Trần Thị N và ông Ngô Văn H2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị B – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Chân Tín số tiền nợ mua bán là 14.916.000 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng*).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả thì phải chịu lãi suất chậm trả, tính trên số nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1 Bà Trần Thị N và ông Ngô Văn H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 745.800 đồng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm đồng*).

2.2 Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Chân Tín số tiền tạm ứng án phí 496.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu số 016675 ngày 22.02.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh TH1nh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh TH1nh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.